

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2024

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Quang;

2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn ..., xã N, huyện T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Ông Võ Minh X, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn ..., xã N, huyện T, tỉnh Q.

Ông X, bà Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 28-4-2024, Bản trình bày ngày 10-5-2024, Biên bản làm việc ngày 23-5-2024, Đơn trình bày ngày 09-6-2024 và Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 05-7-2024 nguyên đơn bà Lý Thị Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Minh X có tình cảm, yêu thương, tự nguyện đến với nhau và cùng sống với nhau như vợ chồng trong một nhà kể từ năm 1988 (bà không nhớ rõ chính xác ngày, tháng) cho đến nay. Trước khi về sống chung với nhau như vợ chồng, bà và ông X được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì trong suy nghĩ của bà chỉ cần vợ chồng sống cùng nhau, quan tâm, chia sẻ

và yêu thương nhau là được, còn đăng ký kết hôn chỉ là thủ tục pháp lý.

Trong quá trình chung sống, bà và ông X có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được người thân và gia đình động viên, khuyên nhủ rất nhiều nhưng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện; hiện tại bà và ông X đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X, trường hợp Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà với ông X thì bà thống nhất không có ý kiến gì.

Về con chung: Bà với ông X có 02 (hai) con chung gồm: Võ Minh T, sinh năm 1989 và Võ Thị Minh N, sinh năm 1991. Hiện nay 02 con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đã lập gia đình riêng nên khi Tòa án giải quyết cho ly hôn hoặc không công nhận vợ chồng thì bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Bà và ông X có tài sản chung là thửa đất số 467, tờ bản đồ số 10, diện tích 1123,6m² tại xã N, huyện T, tỉnh Q được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Minh X, bà Lý Thị Đ số vào sổ cấp GCN:CH07018 ngày 16/12/2011 (gọi tắt là thửa 467) và nhiều thửa đất nông nghiệp khác hiện cũng đang tọa lạc tại xã N, huyện T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích và giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến việc chia tài sản chung khi ly hôn hoặc trường hợp Tòa án không công nhận vợ chồng và nghĩa vụ làm đơn khởi kiện bổ sung để được Tòa án thụ lý, xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi được Tòa án giải thích, bà và ông X có về trao đổi, bàn bạc và đi đến thống nhất với nhau là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; cụ thể bà và ông X đã tự thỏa thuận với nhau xong, có lập Biên bản thỏa thuận đề ngày 08/6/2024; đồng thời sau khi tự thỏa thuận xong bà và ông X có gửi đơn trình bày đề ngày 09/6/2024 kèm theo Biên bản thỏa thuận đề ngày 08/6/2024 đến Tòa án huyện Tư Nghĩa trình bày về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Ngoài ra, bà Đ không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

** Tại các Biên bản làm việc ngày 15-5-2024 và ngày 05-6-2024, Đơn trình bày ngày 09-6-2024 và Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 05-7-2024 bị đơn ông Võ Minh X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân hiện nay giữa ông với bà Lý Thị Đ và về con chung, tài sản chung, nợ chung giống như bà Đ đã trình bày nêu trên; ông thống nhất và không có ý kiến bổ sung nào khác.

Nay, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông, ông thống nhất theo yêu cầu của bà Đ. Trường hợp, Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông với bà Đ thì ông cũng không có ý kiến gì.

Ngoài ra, ông X không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố “*Không công nhận vợ chồng*”, giữa: ông Võ Minh X và bà Lý Thị Đ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông X với bà Đ có 02 (hai) con chung tên là Võ Minh T, sinh năm 1989 và Võ Thị Minh N, sinh năm 1991; hiện nay 02 con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự và đều đã lập gia đình. Về nợ chung: Ông X, bà Đ đều trình bày không có. Về tài sản chung: Ông X, bà Đ đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Lý Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình với số tiền 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lý Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Võ Minh X và trình bày về nợ chung không có, về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về con chung: các con đã thành niên và có đầy đủ năng lực vi dân sự nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Minh X thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Lý Thị Đ. Bị đơn ông Võ Minh X hiện đang cư trú tại thôn .., xã N, huyện T, tỉnh Q. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết tranh chấp là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lý Thị Đ và bị đơn ông Võ Minh X đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt của ông X, bà Đ được gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29/7/2024 (trước ngày xét xử vụ án) là hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2.]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Đ., Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Võ Minh X và bà Lý Thị Đ đều trình bày: Ông, bà có tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đến với nhau và cùng sống với nhau như vợ chồng trong một nhà kể từ năm 1988 cho đến nay. Trước khi về sống chung với nhau như vợ chồng, ông, bà được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì trong suy nghĩ của ông, bà chỉ cần vợ chồng sống cùng nhau, quan tâm, chia sẻ và yêu thương nhau là được; còn đăng ký kết hôn chỉ là thủ tục pháp lý. Cả hai đều xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau; ông, bà đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến hôn nhân và gia đình; đồng thời khuyên nhủ ông X, bà Đ về đoàn tụ và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Đ vẫn không đồng ý mà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Võ Minh X, đồng thời ông X đồng ý theo yêu cầu của bà Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, Đại diện Ủy ban nhân dân xã N (cơ quan quản lý về hôn nhân gia đình ở địa phương) cung cấp thông tin “*Ông Võ Minh X và bà Lý Thị Đ sống chung như vợ chồng với nhau tại thôn .., xã N từ năm 1988 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình quản lý hành chính nhà nước, địa phương đã nhiều lần tuyên truyền chính sách pháp luật về hôn nhân và gia đình để công dân ở địa phương được biết; đồng thời có nhắc nhở ông X, bà Đ thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông X, bà Đ vẫn không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn*”.

Xét thấy: Ông X với bà Đ sống chung như vợ chồng trong cùng một nhà từ năm 1988 và có với nhau 02 con chung là hôn nhân thực tế. Tuy nhiên, được xác lập

sau khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật, vì vậy trường hợp của ông X, bà Đ để được pháp luật công nhận là vợ chồng thì bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã, phường theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; mặc khác ông, bà có đủ các điều kiện về kết hôn, đã được chính quyền địa phương nhắc nhở nhưng vẫn không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Do đó, ông X với bà Đ không phải là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về thụ lý đơn yêu cầu ly hôn, như sau:

“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Như vậy, trường hợp của ông Võ Minh Xuân với bà Lý Thị Đào như đã phân tích, nhận định và trên cơ sở đối chiếu với Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 như đã viện dẫn nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông Võ Minh Xuân với bà Lý Thị Đào không phải là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông X với bà Đ có 02 (hai) con chung tên là Võ Minh T, sinh năm 1989 và Võ Thị Minh N, sinh năm 1991; hiện nay 02 con chung đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đều đã lập gia đình riêng. Về nợ chung: Ông X, bà Đ đều trình bày không có. Về tài sản chung: Ông X, bà Đ đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thị Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Minh X, sinh năm 1963 với bà Lý Thị Đ, sinh năm 1966; có cùng địa chỉ: Thôn ..., xã N, huyện T, tỉnh Q.

2. Về con chung: Ông X với bà Đ có 02 (hai) con chung tên là Võ Minh T, sinh năm 1989 và Võ Thị Minh N, sinh năm 1991; hiện nay 02 con chung đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đều đã lập gia đình riêng. Do đó, không xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Ông X, bà Đ đều trình bày không có.

4. Về tài sản chung: Ông X, bà Đ đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002564 ngày 08-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dẫn

